

**CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI**

**BẢO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**



**CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Giám đốc	2
Báo cáo Kiểm toán độc lập	3
Các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính của Chi nhánh	5
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DNPNT)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DNPNT)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DNPNT)	11
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DNPNT)	12

## CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIÈM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập  
và hoạt động

Số 73GP/KDBH cấp ngày 26 tháng 8 năm 2014.

Giấy phép thành lập và hoạt động số 73/GPĐC1/KDBH thay đổi lần thứ 1 được cấp ngày 25 tháng 6 năm 2015. Giấy phép thành lập và hoạt động và các Giấy phép điều chỉnh do Bộ Tài chính cấp với thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên số 73GP/KDBH ngày 26 tháng 8 năm 2014.

Tại ngày ký báo cáo tài chính này

Ban Giám đốc

Ông Jeong Beom Soon

Ông Jung Youn Ho

Ông Kwon Soon Yong

Giám đốc

Phó Giám đốc

(từ ngày 10 tháng 2 năm 2018)

Phó Giám đốc

(đến ngày 9 tháng 2 năm 2018)

Người đại diện  
theo pháp luật

Ông Jeong Beom Soon

Giám đốc

Trụ sở chính

Phòng 901, tầng 9, tòa Đông, Lotte Center Hà Nội,  
54 Liễu Giai, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

## CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Chi nhánh Công ty Bảo hiểm bảo lãnh Seoul tại Hà Nội ("Chi nhánh") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Chi nhánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc Chi nhánh chịu trách nhiệm đảm rằng các số sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Chi nhánh với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Chi nhánh cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Chi nhánh và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính định kỳ từ trang 6 đến trang 34. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Chi nhánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm đang hoạt động tại nước Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



TP. Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 21 tháng 3 năm 2019

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI THÀNH VIÊN CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Chi nhánh Công ty Bảo hiểm bảo lãnh Seoul tại Hà Nội ("Chi nhánh") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2018 và được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 21 tháng 3 năm 2019. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 34.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Chi nhánh chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Chi nhánh theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm đang hoạt động tại nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Chi nhánh có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Chi nhánh liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Chi nhánh. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Chi nhánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các Chi nhánh bảo hiểm đang hoạt động tại nước Việt Nam.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Chi nhánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác. Đơn vị kiểm toán này đã phát hành báo cáo kiểm toán có ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 28 tháng 2 năm 2018.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Hồng Kiên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0298-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 2150  
Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2019



Bùi Phương Hạnh  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3823-2017-006-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI**

**CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CHI NHÁNH**

	2018	2017
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản (%)	91,91	97,72
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản (%)	8,09	2,28
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn (%)	7,92	3,95
- Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (%)	92,08	96,05
<b>2. Tính thanh khoản</b>		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	12,63	25,30
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	13,68	32,01
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	13,67	31,93
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		
- Lợi nhuận trước thuế / (Doanh thu thuần + Hoa hồng nhượng tái) (%)	42,65	46,29
- Lợi nhuận sau thuế / (Doanh thu thuần + Hoa hồng nhượng tái) (%)	35,47	46,49
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		
- Lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản (%)	2,81	1,81
- Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (%)	2,34	1,82
3.3 Tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu		
- Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (%)	2,54	1,90

## CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 01 – DNPNT

## BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2018 VND	2017 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		634.247.481.726	630.086.496.124
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	633.899.499.611	611.508.486.689
111	Tiền		19.983.174.789	10.067.933.316
112	Các khoản tương đương tiền		613.916.324.822	601.440.553.373
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	17.000.000.000
121	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5(a)	-	17.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		106.769.880	1.575.097.222
131	Phải thu của khách hàng		90.706.866	-
131.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		90.706.866	-
135	Các khoản phải thu khác	6(a)	16.063.014	1.575.097.222
150	Tài sản ngắn hạn khác		-	2.912.213
152	Thuế GTGT được khấu trừ		-	2.912.213
190	Tài sản tái bảo hiểm		241.212.235	-
191	Dự phòng phi nhượng tái bảo hiểm		233.208.688	-
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		8.003.547	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		55.836.385.461	14.695.363.081
210	Các khoản phải thu dài hạn		13.641.236.530	12.057.866.667
218	Phải thu dài hạn khác		13.641.236.530	12.057.866.667
218.1	Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	7	12.000.000.000	12.000.000.000
218.2	Phải thu dài hạn khác	6(b)	1.641.236.530	57.866.667
220	Tài sản cố định		1.067.246.974	1.492.695.766
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	1.003.196.974	1.392.045.766
222	Nguyên giá		3.040.340.001	2.881.680.001
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.037.143.027)	(1.489.634.235)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	64.050.000	100.650.000
228	Nguyên giá		183.000.000	183.000.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(118.950.000)	(82.350.000)
250	Đầu tư tài chính dài hạn		40.000.000.000	-
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5(b)	40.000.000.000	-
260	Tài sản dài hạn khác		1.127.901.957	1.144.800.648
261	Chi phí trả trước dài hạn		120.086.657	137.885.348
268	Tài sản dài hạn khác	9	1.007.815.300	1.006.915.300
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		690.083.867.187	644.781.859.205

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 01 – DNPNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
(TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2018 VND	2017 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		54.656.375.108	25.480.497.354
310	Nợ ngắn hạn		46.362.233.312	19.684.699.908
312	Phải trả người bán ngắn hạn		266.518.115	-
312.1	Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		266.518.115	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	10	1.090.368.470	175.601.448
319	Phải trả ngắn hạn khác	11	3.686.809.976	489.008.891
329	Dự phòng nghiệp vụ		41.318.536.751	19.020.089.569
329.1	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	12(a)	32.420.820.990	14.755.313.799
329.2	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	12(a)	5.262.587.219	1.982.902.159
329.3	Dự phòng dao động lớn	12(b)	3.635.128.542	2.281.873.611
330	Nợ dài hạn		8.294.141.796	5.795.797.446
335	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	13	8.294.141.796	5.795.797.446
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		635.427.492.079	619.301.361.851
410	Vốn chủ sở hữu		635.427.492.079	619.301.361.851
411	Vốn góp của chủ sở hữu	14,15	600.000.000.000	600.000.000.000
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	15	2.529.989.832	1.723.683.321
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	15	32.897.502.247	17.577.678.530
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		17.577.678.530	6.428.231.916
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		15.319.823.717	11.149.446.614
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		690.083.867.187	644.781.859.205

Hà Thị Minh Thu  
Người lập/ Kế toán trưởng



Jeong Beom Sohn  
Giám đốc  
Ngày 21 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 – DNPNT

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Mã số		Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm	
		2018 VND	2017 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	27.766.906.063	24.341.839.306
12	Doanh thu hoạt động tài chính	15.273.504.024	1.820.247.753
20	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(11.346.716.469)	(2.785.260.875)
22	Chi phí hoạt động tài chính	(4.721.324)	(266.678.177)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(12.297.712.283)	(11.424.672.062)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.391.260.011	11.685.475.945
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(766.785.433)	-
52	Chi phí thuế TNDN hoàn lại	(2.498.344.350)	50.783.649
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.126.130.228	11.736.259.594



Hà Thị Minh Thu  
Người lập/ Kế toán trưởng



Jeong Bom Seon  
Giám đốc  
Ngày 21 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 02 – DNPNT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2018 VND	2017 VND
01	<b>Doanh thu phí bảo hiểm</b>	17	27.709.775.409
	Trong đó:		24.341.839.306
01.1	Phi bảo hiểm gốc		45.375.282.600
01.3	Tăng dự phòng phi bảo hiểm gốc và nhận tài bảo hiểm	(17.665.507.191)	(901.565.994)
02	<b>Phi nhượng tái bảo hiểm</b>		(33.576.212)
	Trong đó:		-
02.1	Tổng phi nhượng tái bảo hiểm		(266.784.900)
02.2	Giảm dự phòng phi nhượng tái bảo hiểm	233.208.688	-
03	<b>Doanh thu phi bảo hiểm thuần</b>		27.676.199.197
			24.341.839.306
04	<b>Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>		90.706.866
	Trong đó:		-
04.1	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		90.706.866
10	<b>Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>		27.766.906.063
			24.341.839.306
11	<b>Chi phí bồi thường</b>	18	(5.841.832.552)
	Trong đó:		(136.244.816)
11.1	Tổng chi bồi thường		(7.612.229.763)
11.2	Các khoản giảm trừ	1.770.397.211	300.000.000
13	<b>Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tài bảo hiểm</b>	12(a)	(3.279.685.060)
14	<b>Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	12(a)	8.003.547
15	<b>Tổng chi bồi thường bảo hiểm</b>		(9.113.514.065)
16	<b>Tăng dự phòng dao động lớn</b>	12(b)	(1.353.254.931)
17	<b>Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>		(879.947.473)
17.2	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	19	(879.947.473)
18	<b>Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>		(11.346.716.469)
19	<b>Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>		16.420.189.594
			21.556.578.431

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

## CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 02 – DNPNT

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

## PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2018 VND	2017 VND
23	Doanh thu hoạt động tài chính	20	15.273.504.024
24	Chi phí tài chính		(4.721.324)
25	Lợi nhuận hoạt động tài chính		15.268.782.700
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(12.297.712.283)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.391.260.011
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		19.391.260.011
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	22	(766.785.433)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	22	(2.498.344.350)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		16.126.130.228



Hà Thị Minh Thu  
Người lập/ Kế toán trưởng



Jeong Beom Seon  
Giám đốc  
Ngày 21 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

## CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 03 - DNPNT

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2018 VND	2017 VND
<b>LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> Điều chỉnh cho các khoản:	19.391.260.011	11.685.475.945
02	Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	584.108.792	570.625.452
03	Biên động dự phòng nghiệp vụ	12	22.057.234.947
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	20	(12.491.721.750) (572.986)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.657.299.544) (1.819.510.934)
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	27.883.582.456	13.282.118.018
09	Tăng các khoản phải thu	(88.694.653)	(56.606.306)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	3.612.300.789	(248.228.826)
12	Giảm/(tăng) các chi phí trả trước	17.798.691	(97.696.968)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	31.424.987.283	12.879.587.918
<b>LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Mua tài sản cố định	(158.860.000)	-
23	Tiền gửi ngân hàng	(23.000.000.000)	(11.000.000.000)
27	Thu lãi tiền gửi	1.632.963.889	1.733.999.823
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	(21.525.696.111)	(9.266.000.177)
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	9.899.291.172	3.613.587.741
60	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	4	611.508.486.689
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		607.894.325.962
70	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	4	633.899.499.611
			611.508.486.689



Hà Thị Minh Thu  
Người lập/ Kế toán trưởng



Jeong Beom Soon  
Giám đốc  
Ngày 21 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

# CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 09 – DNPNT

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

### 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH

Chi nhánh Công ty Bảo hiểm bảo lãnh Seoul tại Hà Nội ("Chi nhánh") được thành lập tại nước Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 73GP/KDBH ngày 26 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính cấp với thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày của Giấy phép. Giấy phép được điều chỉnh lần đầu tại Giấy phép điều chỉnh số 73/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 25 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động chính của Chi nhánh là kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, bao gồm các nghiệp vụ về bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Chi nhánh là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Chi nhánh có 10 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 8 nhân viên).

### 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU

#### 2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm đang hoạt động tại nước Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

#### 2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Chi nhánh bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YÊU (TIẾP THEO)**

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Chi nhánh thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thương mại tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Chi nhánh mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Giám đốc Chi nhánh có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

**2.6 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị của hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc Chi nhánh đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YÊU (TIẾP THEO)**

**2.7 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Vật kiến trúc	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị quản lý	5 năm
Phần mềm	5 năm

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý như lượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.9 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm là khoản phải trả liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
- Phải trả khác cho người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ không liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (TIẾP THEO)**

**2.10 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Chi nhánh có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự phòng phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.11 Dự phòng nghiệp vụ**

Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phi chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phi chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

Theo Thông tư 50/2017/TT-BTC được ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 ("Thông tư 50"), Chi nhánh đã thực hiện thủ tục và đề nghị áp dụng/thay đổi phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ đến Cục quản lý giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính. Bộ Tài Chính đã phê duyệt và chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Chi nhánh tại Công văn số 14000/BTC-QLBH ("Công văn 14000") ngày 2 tháng 10 năm 2014.

**(a) Dự phòng phi chưa được hưởng ("UPR")**

Dự phòng phi chưa được hưởng ("UPR") là khoản dự phòng cho phần phi bảo hiểm tương ứng với phần rủi ro mà Chi nhánh phải gánh chịu tại ngày báo cáo và được hạch toán là một khoản nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán.

Phương pháp trích lập dự phòng phi được dựa trên thời hạn của hợp đồng bảo hiểm. Dự phòng phi được ghi nhận theo tỷ lệ trên thời hạn của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phi theo từng ngày theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phi chưa} = \frac{\text{Phi bảo hiểm giữ lại} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của}}{\text{được hưởng}} \text{tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm}$$

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (TIẾP THEO)**

**2.11 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)**

*(b) Dự phòng bồi thường*

Dự phòng bồi thường bao gồm những bồi thường đã được thông báo nhưng chưa được giải quyết ("OSLR") và những bồi thường cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa được thông báo ("IBNR"), tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán, sau khi đã trừ đi những khoản thu hồi được từ nhượng tái bảo hiểm.

- OSLR được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến thời điểm lập báo cáo tài chính chưa được giải quyết.
- IBNR là các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường tại thời điểm lập báo cáo tài chính, được trích lập theo tỷ lệ ba (3) phần trăm trên tổng doanh thu phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

*(c) Dự phòng dao động lớn*

Chi nhánh trích lập dự phòng dao động lớn theo hướng dẫn trong Thông tư 50 và Công văn 14000 theo tỷ lệ ba (3) phần trăm trên tổng doanh thu phí bảo hiểm giữ lại của tất cả các nghiệp vụ trong kỳ kế toán cho đến khi khoản dự phòng này bằng một trăm (100) phần trăm phí thực giữ lại trong năm.

**2.12 Quỹ dự trữ bắt buộc**

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập để bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Chi nhánh. Theo Nghị định 73/2016/NĐ-CP ban hành bởi Chính phủ Việt Nam ngày 1 tháng 7 năm 2016 ("Nghị định 73") về quy định chế độ tài chính với doanh nghiệp bảo hiểm, Chi nhánh phải trích năm (5) phần trăm lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ dự trữ bắt buộc cho đến khi quỹ này bằng mươi (10) phần trăm mức vốn điều lệ của Chi nhánh.

**2.13 Ký quỹ bảo hiểm**

Theo Nghị định 73, Chi nhánh phải ký quỹ bằng 2% vốn pháp định đã góp tại một ngân hàng thương mại được ủy quyền tại Việt Nam. Chi nhánh được hưởng lãi trên khoản ký quỹ bảo hiểm và chỉ được phép rút khoản ký quỹ này khi chấm dứt hoạt động kinh doanh. Khoản ký quỹ bảo hiểm được sử dụng để hoàn thành nghĩa vụ được cam kết với người được bảo hiểm chỉ khi khả năng thanh toán của Chi nhánh không đủ đáp ứng và được sự chấp thuận trước của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YÊU (TIẾP THEO)**

**2.14 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu phí bảo hiểm**

Doanh thu bao gồm phí bảo hiểm và không bao gồm thuế giá trị gia tăng ("GTGT").

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi Chi nhánh phát sinh trách nhiệm bảo hiểm đối với bên mua bảo hiểm theo Thông tư 50. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau:

1. Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa Chi nhánh và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
2. Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa Chi nhánh và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
3. Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa Chi nhánh và bên mua bảo hiểm; nếu có thỏa thuận giữa Chi nhánh với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, cụ thể như sau:
  - Trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần: thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không vượt quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Chi nhánh sẽ vẫn ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm với hợp đồng bảo hiểm mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm.
  - Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ: kỳ thanh toán của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên không vượt quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Chi nhánh chỉ hạch toán doanh thu phí bảo hiểm tương ứng tại các kỳ đóng phí bảo hiểm phát sinh theo thỏa thuận. Phí bảo hiểm nhận trước khi đến hạn tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận ở phần "Phí bảo hiểm trả trước" trên bảng cân đối kế toán.

Nếu bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

**(b) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**2.15 Phí nhượng tái bảo hiểm**

Phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản giảm trừ đối với thu phí bảo hiểm gốc. Phí nhượng tái bảo hiểm được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian hiệu lực của nghiệp vụ.

Nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm không làm giảm trách nhiệm của Chi nhánh đối với khách hàng được bảo hiểm trong trường hợp các công ty nhận tái bảo hiểm không có khả năng hoàn thành các nghĩa vụ của họ theo hợp đồng tái bảo hiểm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YÊU (TIẾP THEO)**

**2.16 Chi phí bồi thường**

Chi phí bồi thường và chi phí giám định được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phát sinh thực tế dựa trên đền bù ước tính sẽ trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm hoặc cho bên thứ ba bị thiệt hại bởi chủ hợp đồng bảo hiểm. Những chi phí này bao gồm phí giải quyết bồi thường trực tiếp và gián tiếp phát sinh từ các sự kiện xảy ra cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

**2.17 Các khoản thu hồi từ công ty nhận tái bảo hiểm**

Các khoản chi trả bồi thường được thu hồi từ các công ty nhận tái bảo hiểm theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm.

**2.18 Doanh thu và chi phí hoa hồng**

Doanh thu hoa hồng là các khoản thu phi nhận được hoặc sẽ nhận được từ các công ty nhận tái bảo hiểm. Doanh thu hoa hồng được tính toán trên phí bảo hiểm gốc và được hạch toán trên cơ sở trích trước.

Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ phải theo dõi chi tiết các khoản doanh thu, chi phí hoa hồng bảo hiểm thực tế đã phát sinh trong kỳ cho từng loại hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc, nhận và nhượng tái bảo hiểm. Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải xác định khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu hoặc chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm và chi phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau.

Khoản chi phí hoa hồng bảo hiểm phải trả thực tế đã phát sinh nhưng chưa được tính vào chi phí kinh doanh bảo hiểm của kỳ phát sinh được theo dõi trên khoản mục "Chi phí hoa hồng chưa phân bổ". Khoản doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm thực tế đã phát sinh nhưng chưa được ghi nhận vào doanh thu của kỳ phát sinh được theo dõi trên khoản mục "Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng".

**2.19 Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng**

Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả theo cách ghi nhận phí tái bảo hiểm và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm có liên quan.

**2.20 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**2.21 Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm**

Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm bao gồm chủ yếu các chi phí lương cho nhân viên bán hàng và đại lý bảo hiểm, hoạt động quản lý bảo hiểm, chi phí hoa hồng, chi phí về hệ thống liên quan đến hoạt động bảo hiểm, chi phí quảng cáo, quỹ bảo vệ người được bảo hiểm và chi phí bằng tiền khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YÊU (TIẾP THEO)**

**2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Chi nhánh chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khẩu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

**2.23 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.24 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Chi nhánh hoặc chịu sự kiểm soát của Chi nhánh, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Chi nhánh, bao gồm cả Chi nhánh mẹ, Chi nhánh con và Chi nhánh liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Chi nhánh mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Chi nhánh, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc của Chi nhánh, những thành viên mặt thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Chi nhánh liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**3 CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO**

**3.1 Cơ chế quản trị**

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ Chi nhánh từ các sự kiện cản trở Chi nhánh đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Ban Giám đốc nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Chi nhánh đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Ban Giám đốc. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Ban Giám đốc và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Chi nhánh, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Chi nhánh. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Chi nhánh.

**3.2 Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm**

Hoạt động bảo hiểm chính được thực hiện bởi Chi nhánh là xây dựng các giả định về rủi ro tồn thắt liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến phạm vi của bảo hiểm bảo lãnh. Theo đó Chi nhánh chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ. Chi nhánh cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Chi nhánh quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tài bảo hiểm và giám sát các vấn đề này sinh.

**3.3 Chiến lược kinh doanh bảo hiểm**

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Chi nhánh với mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm, kênh phân phối và tập trung vào sản phẩm có hiệu quả cao nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh.

**3.4 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm**

Chi nhánh tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo hiểm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Chi nhánh đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, người tái bảo hiểm đồng ý hoàn trả số tiền nhượng bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Chi nhánh vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro tín dụng, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Chi nhánh theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ, mới được phép tiến hành giao dịch.

CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 09 – DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	2018 VND	2017 VND
Tiền mặt	3.170.280	1.929.356
Tiền gửi ngân hàng	19.980.004.509	10.066.003.960
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>613.916.324.822</u>	<u>601.440.553.373</u>
	<u>633.899.499.611</u>	<u>611.508.486.689</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng bằng Đô la Mỹ với lãi suất 0% (2017: 0%) và bằng Đồng Việt Nam với lãi suất 4,1%/ năm (2017: 3,5%/ năm).

**5 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	2018 VND	2017 VND
(a) Đầu tư ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>-</u>	<u>17.000.000.000</u>
(b) Đầu tư dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	<u>40.000.000.000</u>	<u>-</u>

(\*) Các khoản đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn ở ngân hàng với kỳ hạn còn lại trên mười hai (12) tháng và lãi suất từ 5,4% đến 5,9%/năm.

**6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	2018 VND	2017 VND
(a) Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu về lãi tiền gửi ngân hàng	<u>16.063.014</u>	<u>1.575.097.222</u>
(b) Phải thu dài hạn khác		
Phải thu về lãi tiền gửi ngân hàng	<u>1.641.236.530</u>	<u>57.866.667</u>

Đây là các khoản lãi tiền gửi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản ký quỹ bảo hiểm bắt buộc vào cuối kỳ kế toán.

## CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 09 – DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

## 7 KÝ QUỸ BẢO HIỂM BẮT BUỘC

Khoản ký quỹ bảo hiểm bắt buộc bằng Đồng Việt Nam tại Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam được hưởng lãi suất từ 5,4% đến 5,6%/năm.

## 8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

## (a) Tài sản cố định hữu hình

	Vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	1.548.727.273	1.269.316.364	63.636.364	2.881.680.001
Mua trong năm	92.000.000	-	66.660.000	158.660.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	<u>1.640.727.273</u>	<u>1.269.316.364</u>	<u>130.296.364</u>	<u>3.040.340.001</u>
<b>Khảo hao lũy kế</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	(955.048.481)	(511.252.423)	(23.333.331)	(1.489.634.235)
Khảo hao trong năm	(317.412.122)	(211.552.728)	(18.543.942)	(547.508.792)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	<u>(1.272.460.603)</u>	<u>(722.805.151)</u>	<u>(41.877.273)</u>	<u>(2.037.143.027)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	593.678.792	758.063.941	40.303.033	1.392.045.766
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	<u>368.266.670</u>	<u>546.511.213</u>	<u>88.419.091</u>	<u>1.003.196.974</u>

## (b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	183.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	<u>183.000.000</u>
<b>Khảo hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	82.350.000
Khảo hao trong năm	(36.600.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	<u>(118.950.000)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	100.650.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	<u>64.050.000</u>

CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 09 – DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

9 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	2018 VND	2017 VND
Tiền đặt cọc thuê văn phòng	501.878.400	501.878.400
Tiền đặt cọc thuê nhà	505.936.900	505.036.900
	<u>1.007.815.300</u>	<u>1.006.915.300</u>

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 31.12.2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	146.702.660	3.676.508.862	(3.534.282.283)	288.929.239
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	766.785.433	-	766.785.433
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	266.785	-	266.785
Thuế thu nhập cá nhân	28.898.788	427.156.398	(421.668.173)	34.387.013
	<u>175.601.448</u>	<u>4.870.717.478</u>	<u>(3.955.950.456)</u>	<u>1.090.368.470</u>

11 PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	2018 VND	2017 VND
Chi phí bồi thường phải trả chờ xử lý (*)	3.481.000.000	-
Khác	205.809.976	489.008.891
	<u>3.686.809.976</u>	<u>489.008.891</u>

(\*) Đây là khoản thanh toán cho các khoản chi bồi thường đã phát sinh tại Chi nhánh nhưng các đơn yêu cầu bồi thường chưa được giải quyết tại ngày lập báo cáo tài chính.

CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BÁO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

12 DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

(a) Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

	2018		2017	
	Bảo hiểm gốc VND	Nhượng tài bảo hiểm VND	Bảo hiểm gốc VND	Nhượng tài bảo hiểm VND
1. Dự phòng bồi thường	5.262.587.219	(8.003.547)	5.254.583.672	1.982.902.159
Trong đó:				- 1.982.902.159
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	3.901.328.741	-	3.901.328.741	1.225.600.000
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	1.361.258.478	(8.003.547)	1.353.254.931	757.302.159
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	32.420.820.990	(233.208.688)	32.187.612.302	14.755.313.799
	37.683.408.209	(241.212.235)	37.442.195.974	16.738.215.958
				- 16.738.215.958

CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 09 – DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**12 DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (TIẾP THEO)**

- (a) **Dự phòng bồi thường và dự phòng phi chưa được hưởng (tiếp theo)**

Biến động của dự phòng nghiệp vụ trong năm như sau:

	2018		2017	
	Bảo hiểm gốc VND	Nhuợng tái bảo hiểm VND	Bảo hiểm gốc VND	NhuỢng tái bảo hiểm VND
1. Dư phòng bồi thường				
Số dư đầu năm	1.982.902.159	-	1.982.902.159	795.669.771
Biên động trong năm	3.279.685.060	(8.003.547)	3.271.681.513	1.187.232.388
Số dư cuối năm	5.262.587.219	(8.003.547)	5.254.583.672	1.982.902.159
2. Dư phòng phi chưa được hưởng				
Số dư đầu năm	14.755.313.799	-	14.755.313.799	13.853.747.805
Biên động trong năm	17.665.507.191	(233.208.688)	17.432.298.503	901.565.994
Số dư cuối năm	32.420.820.990	(233.208.688)	32.187.612.302	14.755.313.799

**CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI****Mẫu số B 09 – DNPNT****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018****12. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (TIẾP THEO)****b) Dự phòng dao động lớn**

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	2.281.873.611	1.524.571.452
Số trích lập thêm trong năm	<u>1.353.254.931</u>	<u>757.302.159</u>
Số dư cuối năm	<u>3.635.128.542</u>	<u>2.281.873.611</u>

**13. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI****(a) Thuế thu nhập hoàn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoàn lại và thuế thu nhập hoàn lại phải trả được bù trừ khi Chi nhánh có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoàn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

	2018 VND	2017 VND
<b>Thuế thu nhập hoàn lại phải trả:</b>		
Thuế thu nhập hoàn lại phải trả sau 12 tháng	<u>8.294.141.796</u>	<u>5.795.797.446</u>

Biến động về thuế thu nhập hoàn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	5.795.797.446	5.846.581.095
Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 22)	<u>2.498.344.350</u>	<u>(50.783.649)</u>
Số dư cuối năm	<u>8.294.141.796</u>	<u>5.795.797.446</u>

**Chi tiết thuế thu nhập hoàn lại phải trả**

	2018 VND	2017 VND
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	<u>8.294.141.796</u>	<u>5.795.797.446</u>

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoàn lại và thuế thu nhập hoàn lại phải trả năm 2018 là 20% (2017: 20%).

CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 09 – DNPNT

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**14 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn điều lệ được duyệt của Chi nhánh được góp đầy đủ bởi Công ty Bảo hiểm Bảo lãnh Seoul, một công ty được thành lập tại Hàn Quốc.

**15 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	600.000.000.000	1.136.870.341	6.428.231.916	607.565.102.257
Lợi nhuận trong năm	-	-	11.736.259.594	11.736.259.594
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	586.812.980	(586.812.980)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	600.000.000.000	1.723.683.321	17.577.678.530	619.301.361.851
Lợi nhuận trong năm	-	-	16.126.130.228	16.126.130.228
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	806.306.511	(806.306.511)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	<u>600.000.000.000</u>	<u>2.529.989.832</u>	<u>32.897.502.247</u>	<u>635.427.492.079</u>

**16 CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN**

(a) Ngoại tệ các loại

	2018	2017
Đô la Mỹ ("USD")	<u>26.042.167,48</u>	<u>26.024.776,86</u>

(b) Tài sản thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang là 3.418.549.189 Đồng Việt Nam và 6.423.499.415 Đồng Việt Nam, tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh 26).

CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 09 – DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

17 DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	45.375.282.600	25.243.405.300
- <i>Bảo hiểm bảo lãnh tạm ứng</i>	5.035.641.900	4.041.742.300
- <i>Bảo hiểm bảo lãnh dự thầu</i>	4.273.500	11.362.500
- <i>Bảo hiểm bảo lãnh bảo hành</i>	12.485.898.000	10.657.236.600
- <i>Bảo hiểm bảo lãnh thực hiện hợp đồng</i>	13.449.114.100	8.454.758.100
- <i>Bảo hiểm bảo lãnh vay cá nhân</i>	14.400.355.100	2.078.305.800
Tăng dự phòng phí chưa được hưởng cho doanh thu phí bảo hiểm gốc	(17.665.507.191)	(901.565.994)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	27.709.775.409	24.341.839.306
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

18 TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	2018 VND	2017 VND
Chi bồi thường	7.612.229.763	436.244.816
- <i>Bảo hiểm bảo lãnh tạm ứng</i>	4.956.930.223	-
- <i>Bảo hiểm bảo lãnh bảo hành</i>	-	197.000.000
- <i>Bảo hiểm bảo lãnh thực hiện hợp đồng</i>	1.589.000.000	-
- <i>Bảo hiểm bảo lãnh vay cá nhân</i>	1.066.299.540	239.244.816
Giảm trừ chi bồi thường	(1.770.397.211)	(300.000.000)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	5.841.832.552	136.244.816
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

19 CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	2018 VND	2017 VND
Chi phí xúc tiến bán hàng	701.780.795	582.434.900
Đóng góp quỹ bảo vệ người được bảo hiểm	50.486.810	75.067.067
Các chi phí khác	127.679.868	46.979.545
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	879.947.473	704.481.512
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 09 – DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi	2.778.367.809	1.819.510.934
Lãi chênh lệch tỉ giá hối đoái đã thực hiện	3.414.465	163.833
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	12.491.721.750	572.986
	<u>15.273.504.024</u>	<u>1.820.247.753</u>

21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	4.368.191.330	3.654.793.600
Chi phí thiết bị văn phòng	225.205.746	187.091.877
Chi phí khấu hao tài sản cố định	584.108.792	570.625.452
Chi phí thuê văn phòng	4.956.598.158	4.907.138.520
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.450.465.687	1.205.005.499
Chi phí khác	713.142.570	900.017.114
	<u>12.297.712.283</u>	<u>11.424.672.062</u>

22 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Chi nhánh khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.391.260.011	11.685.475.945
Thuế tính ở thuế suất 20%	3.878.252.002	2.337.095.189
<i>Điều chỉnh:</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	29.542.371	14.901.000
- Lỗ tính thuế đã được sử dụng	(642.664.590)	(2.351.996.189)
- Khác	-	(50.783.649)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	<u>3.265.129.783</u>	<u>(50.783.649)</u>
Chi phí/(giảm trừ chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
- Thuế TNDN - hiện lại	766.785.433	-
- Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 13)	2.498.344.350	(50.783.649)
	<u>3.265.129.783</u>	<u>(50.783.649)</u>

(\*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

# CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 09 – DNPNT

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

### 23 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động kinh doanh của Chi nhánh khiến cho Chi nhánh phải chịu rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Chi nhánh là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh.

#### (a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Chi nhánh. Chính sách của Chi nhánh là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

	2018 VND	2017 VND
Tài khoản thanh toán tại ngân hàng và các khoản tương đương tiền	633.896.329.331	611.506.557.333
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	17.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	40.000.000.000	-
Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	12.000.000.000	12.000.000.000
Các khoản phải thu khác	1.657.299.544	1.632.963.889
	<hr/> <hr/> 687.553.628.875	<hr/> <hr/> 642.139.521.222

Tiền gửi ngân hàng và khoản ký quỹ bảo hiểm của Chi nhánh được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng.

Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi và ký quỹ bảo hiểm này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Chi nhánh.

CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 09 – DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

23 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Chi nhánh gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng:

	Giá trị ghi sổ VND	Dưới 1 năm VND
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>		
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	266.518.115	266.518.115
Phải trả ngắn hạn khác	161.650.916	161.650.916
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tài bảo hiểm	5.262.587.219	5.262.587.219
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	<b>5.690.756.250</b>	<b>5.690.756.250</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>		
Phải trả ngắn hạn khác	107.441.221	107.441.221
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tài bảo hiểm	1.982.902.159	1.982.902.159
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	<b>2.090.343.380</b>	<b>2.090.343.380</b>

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất.

(i) Rủi ro tiền tệ

Việc kinh doanh của Chi nhánh phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ Đô la Mỹ ("USD").

Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Chi nhánh được trình bày như sau:

	2018 VND	2017 VND
Tài khoản thanh toán tại ngân hàng bằng USD	1.178.587.315	760.394.738
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng USD	600.916.324.822	588.440.553.373
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	<b>602.094.912.137</b>	<b>589.200.948.111</b>

CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 09 – DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

23 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Độ nhạy cảm của ngoại tệ

Bảng dưới đây mô tả độ nhạy cảm trong sự thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá Đô la Mỹ, trong điều kiện các nhân tố khác không thay đổi, mà có ảnh hưởng đến lợi nhuận/(lỗ) trước thuế của Chi nhánh (do thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ bằng tiền).

	Thay đổi tỷ giá Đô la Mỹ %	Ảnh hưởng đến lợi nhuận/(lỗ) trước thuế VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	+ 1 - 1	4.816.759.297 (4.816.759.297)
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	+ 1 - 1	4.713.607.585 (4.713.607.585)

(ii) Rủi ro lãi suất

Chi nhánh chịu ảnh hưởng từ rủi ro lãi suất, chủ yếu từ các khoản đầu tư vào tiền gửi có lãi suất cố định trong danh mục đầu tư của mình.

	2018 VND	2017 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Các khoản tương đương tiền	633.896.329.331	611.506.557.333
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	17.000.000.000
Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	12.000.000.000	12.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	40.000.000.000	-

# CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 09 – DNPNT

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

### 24 RỦI RO BẢO HIỂM

#### Quản lý vốn theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Chi nhánh trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Chi nhánh nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của chủ sở hữu với mức độ vốn đã góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Chi nhánh và tại Việt Nam và yêu cầu Chi nhánh phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Chi nhánh được quy định trong Thông tư 50.

Tỷ lệ biên thanh toán của Chi nhánh là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính.

	Biên khả năng thanh toán của Chi nhánh	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Đơn vị: triệu VND Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	632.791	11.277	5.611,30%
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	616.443	6.311	9.768,00%

CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Mẫu số B 09 – DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

25 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

	2018 VND	2017 VND
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.355.082.000	1.310.496.000

26 CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Chi nhánh phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuế hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2018 VND	2017 VND
Dưới 1 năm	3.418.549.189	4.105.971.345
Từ 1 đến 2 năm	-	2.317.528.070
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	3.418.549.189	6.423.499.415

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 21 tháng 3 năm 2019.

  
Hà Thị Minh Thu  
Người lập/Kế toán trưởng



Jeong Beom Soon  
Giám đốc